

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH THẠNH  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HS-ST

Ngày 12-12-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Sáu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Đắc Tư;
2. Bà Đào Thị Ánh Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thạch – Thư ký tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

**1/ Bùi Hồng V**, sinh năm 1963; Tên gọi khác: Tám Chuột, Bé T; Nơi sinh: T- Cần Thơ; Nơi cư trú: Khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Bùi Hồng L-1921 (chết); Mẹ: Huỳnh Thị T1-1919 (chết); A, chị, em ruột: Có 06 người, không xác định năm sinh; Vợ: Nguyễn Thị Ú-1964; Con: Có 04 người (lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1986); Tiền sự: Không; Tiền án (có 02): Ngày 19/5/2009, bị Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chưa xóa án tích do chưa nộp tiền án phí và bồi thường dân sự); Ngày 06/6/2012, bị Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”

(Chưa xóa án tích do chưa nộp tiền án phí và hình phạt bổ sung). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/7/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2/ Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1964; Nơi sinh: T-Cần Thơ; Nơi cư trú: Khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 00/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn T2-1943 (chết); Mẹ: Nguyễn Thị Đ1-1944 (chết); A, chị, em ruột: Có 03 người, không xác định năm sinh; Chồng: Nguyễn Thanh D-1961 (Chết); Con: Có 04 người (lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1993); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:* Ông Lê Hữu Đ2-1973-vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Ú-1964-có mặt.

Địa chỉ: Khu V L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

*Người làm chứng:*

- Ông Lương Hoàng D1-1966-vắng mặt.

- Ông Võ Văn N-1951-vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân, ngày 13/7/2023 Bùi Hồng V có ý định rủ Nguyễn Thị Đ đi tìm ghe, xuồng, máy dầu của người dân sơ hở để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mục đích bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Chiều ngày 13/7/2023, V chuẩn bị công cụ để đi trộm cắp tài sản gồm: 02 cây kim loại dài có một đầu nhọn và 01 tay quay máy dầu. Đến 19 giờ cùng ngày, V điều khiển xe mô tô biển số 65F1-582.46, đem theo các dụng cụ trên để ở phía trước xe và chở Đ đi uống cà phê, trong lúc này V rủ Đ cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, với mục đích là Đ giữ xe mô tô cho V để V trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, Đ đồng ý. Đến 21 giờ 30 phút ngày 13/7/2023, V điều khiển xe mô tô biển số 65F1-582.46 chở Đ ngồi phía sau xuất phát từ T chạy về hướng V. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 14/7/2023, V chở Đ đi vào cổng 14, thuộc ấp P, xã T thì phát hiện ở dưới kênh phía bờ bên kia có một cái vỏ lõi Composite có gắn một cái máy dầu của bị hại Lê Hữu

Đ2, đang đậu dưới mé sông trước nhà. V dừng xe lại và nói với Đ là V sẽ trực tiếp xuống trộm cắp vỏ lãi và máy dầu, kêu Đ chạy xe ra hướng đầu cống chờ V, khi lấy xong V sẽ bơi vỏ lãi ra hướng đầu cống và cả 02 cùng nhau chạy về T thì Đ đồng ý. Sau đó, V cởi áo, quần dài và đem các đồ vật mang theo bỏ vào cái túi màu trắng rồi bơi qua kênh. Khi bơi đến bờ bên kia, V kiểm tra thấy vỏ lãi và máy dầu không có khóa mà chỉ buộc lại bằng dây xích, V dùng tay gỡ sợi dây xích ra và bỏ túi đồ mang theo xuống vỏ lãi rồi lấy cây sào bơi vỏ lãi đi ra hướng đầu cống được một đoạn thì lấy cái tay quay để quay máy nhưng máy không chạy nên V tiếp tục bơi vỏ lãi ra hướng đầu cống 14 thì bị ông Võ Văn N, Lương Hoàng D1 và Lê Hữu Đ2 phát hiện và truy hô. V hoảng sợ bỏ chạy ra ruộng để lại vỏ lãi, máy dầu cùng với điện thoại và một số đồ vật mang theo. Khi đó, ông D1 thấy điện thoại của V để lại đang reo, số gọi đến có tên là Đ nên bắt máy thì biết Đ đang đợi ở đầu cống 14. Mọi người chạy ra đến gần đầu cống 14 thì phát hiện Đ đang ngồi trên xe mô tô biển số 65F1-582.46 nên tiến hành đưa Đ đến công an xã T để làm việc, Đ khai nhận hành vi trộm cắp tài sản cùng với V. Đến ngày 23/7/2023, Cơ quan điều tra bắt giữ được V theo Lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp.

Tang vật thu giữ gồm: 01 chiếc vỏ lãi Composite, màu xanh-trắng, loại 8,5m (đã qua sử dụng); 01 máy dầu hiệu HS80 (đã qua sử dụng); 01 thanh kim loại, dài 47cm, bên ngoài được quấn băng keo màu đen, có một đầu mài nhọn; 01 thanh kim loại, dài 46,5cm, bên ngoài được quấn băng keo màu đen, có một đầu mài nhọn; 01 đôi dép nam, kiểu quay ngang, màu nâu đen; 01 cái áo khoát màu đỏ-đen; 01 cái quần dài màu xám; 01 cái mắt kính; 01 gói thuốc lá hiệu BASTOS còn nguyên; 01 gói thuốc lá hiệu HERO, đã khai sử dụng; 01 cái túi màu trắng, kích thước 51cm x 18cm; 01 căn cước công dân mang tên Bùi Hồng V; 01 cái điện thoại di động, hiệu SAMSUNG Galaxy A10S, màu xanh của Bùi Hồng V; 01 cái điện thoại di động, hiệu NOKIA 150, màu xanh của Nguyễn Thị Đ; 01 chiếc xe mô tô, hiệu Suzuki X-BIKE, màu đỏ đen, biển số 65F1-582.46 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 048760.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 24 ngày 19/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự huyện V, xác định tài sản gồm: 01 vỏ lãi Composite, màu xanh, trắng, loại 8,5m, đã qua sử dụng và 01 máy dầu hiệu HS80, đã qua sử dụng, có tổng trị giá 6.000.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 65F1-582.46 qua xác minh thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Bùi Hồng T3 (con ruột của Bùi Hồng V và bà Nguyễn Thị Ú). Ông T3 đã đi làm ở Hàn Quốc hiện không có mặt tại địa phương, khi đi ông T3 giao xe cho bà Nguyễn Thị Ú quản lý, sử dụng. Vào ngày 14/7/2023, bà Ú không biết việc V lấy xe để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xử lý trả lại cho bị hại ông Lê Hữu Đ2 01 vỏ lãi Composite, màu xanh-trắng, loại 8,5m (đã qua sử dụng); 01 máy dầu hiệu HS80 (đã qua sử dụng). Ông Đ2 đã nhận lại đủ tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Tại cáo trạng số 42/CT-VKSVT ngày 31/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh truy tố bị cáo Bùi Hồng V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Nguyễn Thị Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng và khai nhận hành vi phạm tội.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, không bổ sung gì thêm, đồng thời đề nghị:

\* Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Hồng V và Nguyễn Thị Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Hồng V từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Miễn cho các bị cáo do không có thu nhập ổn định.

\* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lê Hữu Đ2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

\* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 thanh kim loại, dài 47cm, bên ngoài được quấn băng keo màu đen, có một đầu mài nhọn; 01 thanh kim loại, dài 46,5cm,

bên ngoài được quần băng keo màu đen, có một đầu mài nhọn; 01 đôi dép nam, kiểu quay ngang, màu nâu đen; 01 cái áo khoát màu đỏ-đen; 01 cái quần dài màu xám; 01 gói thuốc lá hiệu BASTOS còn nguyên; 01 gói thuốc lá hiệu HERO, đã khai sử dụng; 01 cái túi màu trắng, kích thước 51cm x 18cm.

- Trả lại cho Bùi Hồng V 01 cái điện thoại di động, hiệu SAMSUNG Galaxy A10S, màu xanh, số IMEI 1: 352125118362192, số IMEI 2: 352126118362190; 01 căn cước công dân mang tên Bùi Hồng V; 01 cái mắt kính.

- Trả lại cho Nguyễn Thị Đ 01 cái điện thoại di động, hiệu NOKIA 150, màu xanh, số IMEI 1: 350085532429211, số IMEI 2: 350085532929210.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ú 01 chiếc xe mô tô, hiệu Suzuki X-BIKE, màu đỏ đen, biển số 65F1-582.46 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 048760.

- Công nhận Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến xử lý trả lại cho bị hại ông Lê Hữu Đ2 01 vỏ lãi Composite, màu xanh-trắng, loại 8,5m (đã qua sử dụng); 01 máy dầu hiệu HS80 (đã qua sử dụng).

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Đối với bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai trong quá trình điều tra, trường hợp cần thiết sẽ công bố lời khai, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra và qua thẩm tra, đối chất tại phiên tòa

các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác. Như vậy, có đủ cơ sở xác định vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 14/7/2023, bị cáo V điều khiển xe chở bị cáo Đ đi tìm máy dầu, ghe, xuồng của người dân để trộm, khi đi vào cống 14, thuộc ấp P, xã T thì phát hiện ở dưới kênh phía bờ bên kia có một cái vỏ lãi Composite có gắn một cái máy dầu, bị cáo V trực tiếp xuống trộm cắp vỏ lãi và máy dầu, còn bị cáo Đ chạy xe ra hướng đầu cống chờ V, khi V thực hiện hành vi trộm vỏ lãi thì bị người dân phát hiện truy hô, bị cáo V hoảng sợ bỏ chạy ra ruộng để lại vỏ lãi, máy dầu cùng với điện thoại và một số đồ vật mang theo. Bị cáo Đ thì bị người dân bắt quả tang. Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 24 ngày 19/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự huyện V, xác định tài sản gồm: 01 vỏ lãi Composite, màu xanh, trắng, loại 8,5m, đã qua sử dụng và 01 máy dầu hiệu HS80, đã qua sử dụng, có tổng trị giá 6.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo V thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, hành vi của bị cáo Đ thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, việc đưa ra truy tố và xét xử các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Xét các bị cáo là đều là người lớn tuổi, có đầy đủ khả năng nhận thức và năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng các bị cáo không biết tu dưỡng, rèn luyện bản thân, sống có ít cho gia đình và xã hội, làm gương cho con cháu noi theo, mà lại có tính tham lam mong muốn có tài sản tiêu xài mà không phải bỏ ra công sức lao động nên cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Các bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của bị hại để lấy trộm tài sản nhằm bán lấy tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án có 02 bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, vai trò của từng bị cáo trong vụ án là khác nhau. Bị cáo V với vai trò chủ mưu, rủ rê bị cáo Đ cùng thực hiện hành phạm

tội. Bị cáo Đ với vai trò giúp sức, trông coi xe cho bị cáo V để bị cáo V trực tiếp trộm cắp tài sản của bị hại.

Về nhân thân của 02 bị cáo đều không tốt, bị cáo V đã nhiều lần phạm tội trộm cắp tài sản, trong đó, có 02 tiền án chưa được xóa án tích. Vào năm 2011, bị cáo Đ bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” cũng với hành vi giúp sức cho bị cáo khác trộm cắp vũ lã, đã được xóa án tích. Nay các bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Điều này cho thấy, các bị cáo xem thường pháp luật, ý thức sửa đổi bản thân là rất kém. Do đó, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; tài sản trộm đã trả lại cho bị hại xong, bị cáo V là người cao tuổi, bị cáo Đ đã 59 tuổi, bị cáo Đ không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo V được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, cho bị cáo Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Miễn cho các bị cáo do không có thu nhập ổn định.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Theo như nhận định và đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo V là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định. Bị cáo Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Bùi Hồng V và Nguyễn Thị Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Hồng V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 23/7/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 58; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn cho các bị cáo.

**2. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 thanh kim loại, dài 47cm, bên ngoài được quấn băng keo màu đen, có một đầu mài nhọn; 01 thanh kim loại, dài 46,5cm, bên ngoài được quấn băng keo màu đen, có một đầu mài nhọn; 01 đôi dép nam, kiểu quay ngang, màu nâu đen; 01 cái áo khoát màu đỏ-đen; 01 cái quần dài màu xám; 01 gói thuốc lá hiệu BASTOS còn nguyên; 01 gói thuốc lá hiệu HERO, đã khai sử dụng; 01 cái túi màu trắng, kích thước 51cm x 18cm.

- Trả lại cho Bùi Hồng V 01 cái điện thoại di động, hiệu SAMSUNG Galaxy A10S, màu xanh, số IMEI 1: 352125118362192, số IMEI 2: 352126118362190; 01 căn cước công dân mang tên Bùi Hồng V; 01 cái mắt kính;

- Trả lại cho Nguyễn Thị Đ 01 cái điện thoại di động, hiệu NOKIA 150, màu xanh, số IMEI 1: 350085532429211, số IMEI 2: 350085532929210.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ú 01 chiếc xe mô tô, hiệu Suzuki X-BIKE, màu đỏ đen, biển số 65F1-582.46 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 048760.

*(Vật chứng được lưu giữ tại kho vật chứng thuộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh theo Quyết định chuyển vật chứng số 29/QĐ-VKSVT ngày 31/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ).*

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bị cáo Bùi Hồng V được miễn án phí hình sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

- Bị cáo Nguyễn Thị Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh.

**4. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CAND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Sáu**



